**1. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn: Công Nghệ Chăn Nuôi \_2023-2024**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị** **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng** **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chương IV: Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | **Bài 11: Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi**  |  **Nhận biết:**-Nêu được khái niệm bệnh ở vật nuôi.-Biết được vai trò của phòng và trị bệnh trong chăn nuôi.**Thông hiểu:**-Trình bày được vai trò của phòng và trị bệnh trong chăn nuôi.**Vận dụng:**- Đề xuất được biện pháp an toàn cho người, vật nuôi và môi trường. | 3 | 4 | 1(\*) | 1(\*\*) |
|  **Bài 12: Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị** | **Nhận biết:**Mô tả được đặc điểm 1 số bệnh phổ biến ở lợn.**Thông hiểu:**-Nêu được nguyên nhân và biện pháp phòng, trị 1 số bệnh phổ biến ở lợn.**Vận dụng:****-**Đề xuấtbiện pháp phòng, trị 1 số bệnh phổ biến ở lợn. | 4 | 3 |
| **2** | **Chương V: Công nghệ chăn nuôi** | **Bài 16: Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi** | **Nhận biết:**- Trình bày được những yêu cầu về chuồng nuôi của một số loại vật nuôi phổ biến.**Thông hiểu:**- Trình bày được những yêu cầu về chuồng nuôi của một số loại vật nuôi phổ biến.**Vận dụng:**- Đề xuất được một số biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | 5 | 2 | 1(\*) | 1(\*\*) |
|  |  | **Bài 17: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | **Nhận biết:**-Mô tả được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến.**Thông hiểu:****-**Trình bày được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến.**Vận dụng:**-Thực hiện được một số công việc đơn giản trong quy trình kĩ thuật chăn nuôi. | 4 | 3 |  |  |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **1** | **1** |

**Lưu ý**:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở Bài 16. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi hoặc Bài 12. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị.

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở Bài 11. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi hoặc Bài 17. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

**2. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**Môn: Công Nghệ Chăn Nuôi – Thời gian: 45 phút**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **Số CH** | **Thời gian (phút)** | **TN** | **TL** |  |
| **1** | **Chương IV** | **Bài 11: Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi.** | 3 | 2,25 | 4 | 6 |  |  | 1(\*\*) |  | 7 |  |  |  |
|  |  |  **Bài 12: Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị.** | 4 | 3.0 | 3 | 4.5 | 1(\*) |  |  |  | 7 |  |  |  |
| **2** | **Chương V** | **Bài 16: Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi.** | 5 | 3,75 | 2 | 3 | 1(\*) |  |  |  | 7 |  |  |  |
| **Bài 17: Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.** | 4 | 3,0 | 3 | 4,5 |  |  | 1(\*\*) |  | 7 |  |  |  |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **12** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **28** | **2** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **70** | **30** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | **70** | **30** | **100** |  | **100** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.

- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở Bài 16. Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi hoặc Bài 12. Một số bệnh phổ biến ở lợn và biện pháp phòng, trị.

- Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở Bài 11. Vai trò của phòng, trị bệnh trong chăn nuôi hoặc Bài 17. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

**3. ĐỀ GỐC VÀ ĐÁP ÁN**

**3.1.Tắc nghiệm (7 điểm)**

**Câu 1.** Bệnh ở vật nuôi là

A. trạng thái không bình thường của vật nuôi.

B. trạng thái ăn, uống nước nhiều của vật nuôi.

C. trạng thái ăn, ngủ, di chuyển nhiều của vật nuôi.

D. trạng thái di chuyển nhiều, ăn nhiều của vật nuôi.

**Câu 2 .** Nguyên nhân **bên trong** làm vật nuôi bị bệnh bao gồm

A. yếu tố di truyền và rối loạn trao đổi chất. B. yếu tố thời tiết và dinh dưỡng.

C. yếu tố di truyền, mầm bệnh. D. yếu tố môi trường và điều kiện sống.

**Câu 3.** Đâu là ảnh hưởng của bệnh đến hiệu quả chăn nuôi?

A. Giảm chất lượng và sản lượng thịt, trứng, sữa.

B. Giảm chi phí chăn nuôi.

C. Giảm lượng thức ăn do vật nuôi bỏ ăn.

D. Giảm sự di chuyển của vật nuôi.

**Câu 4.** Để đảm bảo an toàn cho con người, vật nuôi và môi trường thì địa điểm của cơ sở chăn nuôi phải

A. theo quy hoạch, cách xa khu dân cư, công trình công cộng, đường giao thông chính, nguồn gây ô nhiễm.

B. cách xa khu dân cư, xa các công trình công cộng, gần đường giao thông chính, xa nguồn gây ô nhiễm.

C. theo quy hoạch, cách xa khu dân cư, phải xa các công trình công cộng, phải gần đường giao thông chính.

D. không theo quy hoạch, xa khu dân cư, công trình công cộng, đường giao thông, nguồn gây ô nhiễm.

**Câu 5.** Để phòng bệnh tốt con giống phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi theo quy định; áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc và phải đảm bảo yêu cầu gì?

A. Con giống có nguồn gốc rõ ràng, lí lịch tiêm phòng đầy đủ.

B. Con giống không mang mầm bệnh truyền nhiễm, đã được kiểm dịch.

C. Con giốngkhông bị dị tật, không bị khiếm khuyết, đi đứng bình thường

D. Con giống phải di chuyển lanh lẹ, ăn uống bình thường, phản xạ nhanh.

**Câu 6.** Phòng bệnh tốt mang lại lợi ích gì?

A. Giúp vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt, giảm chi phí trị bệnh.

B. Giúp giảm lượng thức ăn.

C. Giúp giảm lượng nước dùng trong chăn nuôi.

D. Giúp tăng chi phí chăn nuôi.

**Câu 7.** Để phòng bệnh tốt trong chăn nuôi yêu cầu chuồng trại, khu vực chăn nuôi khác phải đảm bảo yêu cầu gì?

A. Sửa chữa, mua mới hoàn toàn các dụng cụ chăn nuôi như: máng ăn, máng uống, dụng cụ vệ sinh.

B. Xây dựng mới, sửa chữa đúng quy định, thông thoáng và mát mẻ, không gây ồn và hợp vệ sinh.

C. Xây dựng cao ráo, xa khu dân cư, không gây ồn, đảm bảo vệ sinh và không có nguồn lây bệnh và gần đường giao thông chính.

D. Vệ sinh, khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh và các loài động vật trung gian truyền bệnh định kì và sau mỗi đợt nuôi.

**Câu 8.** Triệu chứng **điển hình** của bệnh dịch tả cổ điển là

A. Ít vận động, uống nhiều nước, bước vòng tròn, ngoẹo cổ.

B. sốt cao, tiêu chảy, da có nhiều điểm xuất huyết.

C. sốt cao, khó thở, có khoảng 2% lợn bệnh tai chuyển sang màu xanh tím.

D. sốt rất cao, khó thở, thở thể bụng, lợn sắp chết hoặc chết vùng bụng có màu đỏ tím.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây **không đúng** khi nói về bệnh tai xanh ở lợn?

A. Do virus gây ra và virus này chỉ gây bệnh ở lợn.

B. Lợn nái thường sẩy thai, đẻ non, thai chết ngay trong bụng mẹ.

C. Không được tắm cho lợn bị bệnh.

D. Bệnh thường bùng phát khi thời tiết thay đổi, vật nuôi bị stress.

**Câu 10.** Triệu chứng **điển hình** của bệnh tụ huyết trùng là

A. gây hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn.

B. sốt cao, tiêu chảy da có nhiều điểm xuất huyết.

C. Ít vận động, uống nhiều nước, bước vòng tròn, ngoẹo cổ.

D. sốt rất cao, khó thở, thở thể bụng, lợn sắp chết hoặc chết vùng bụng có màu đỏ tím.

**Câu 11.** Gây hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở lợn là đặc điểm của bệnh

A. tai xanh. B. tụ huyết trùng. C. dịch tả cổ điển. D. lở mồm long móng.

**Câu 12.** Vi khuẩn Pasteurella multocida gây ra bệnh gì ở lợn?

A. Bệnh tụ huyết trùng. B. Bệnh dịch tả.

C. Bệnh lở mồm long móng. D. Bệnh tai xanh.

**Câu 13.** Để chủ động phòng bệnh cho vật nuôi, biện pháp tốt nhất là gì?

A. Cho vật nuôi ăn uống đầy đủ dinh dưỡng.

B. Bổ sung các loại vitamin để tăng sức đề kháng.

C. Sử dụng các loại thuốc kháng sinh, kết hợp với một số thuốc trợ sức.

D. Tiêm vaccine đầy đủ theo khuyến cáo.

**Câu 14.** Biện pháp dùng các thuốc kháng sinh để điều trị bệnh kết hợp thuốc trợ sức, trợ lực,…là để điều trị bệnh nào?

A. Bệnh tụ huyết trùng lợn. B. Bệnh lở mồm long móng.

C. Bệnh dịch tả. D. Bệnh tai xanh.

**Câu 15.** Nền chuồng cần đảm bảo yêu cầu nào sau đây?

A. Đảm bảo thuận tiện nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lí vật nuôi và thu gom, xử lí chất thải chăn nuôi.

B. Cần khô ráo và ấm áp, chắc chắn, có độ dốc vừa phải, dễ thoát nước và nên cao hơn mặt đất xung quanh.

C. Được thiết kế và xây dựng phù hợp với đặc điểm sinh lí của từng loại vật nuôi.

D. Đảm sử dụng được lâu dài và ổn định, chi phí xây dựng thấp nhất.

**Câu 16.** Nội dung nào dưới đây ***không thuộc*** yêu cầu của kiến trúc xây dựngchuồng nuôi?

A. Đảm bảo thuận tiện nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lí vật nuôi và thu gom, xử lí chất thải chăn nuôi.

B. Chuồng nuôi nên xây dựng ở nơi yên tĩnh, có độ dốc vừa phải dễ thoát nước.

C. Được thiết kế và xây dựng phù hợp với đặc điểm sinh lí của từng loại vật nuôi.

D. Đảm sử dụng được lâu dài và ổn định, chi phí xây dựng thấp nhất.

**Câu 17.** Yêu cầu về độ cao ***tường chuồng*** của kiểu chuồng hở trong chăn nuôi gia cầm và gia súc là bao nhiêu?

A. Độ cao tường chuồng của gia cầm là 50cm; gia súc là 80cm.

B. Độ cao tường chuồng của gia cầm là 60cm; gia súc là 85cm.

C. Độ cao tường chuồng của gia cầm là 70cm; gia súc là 85cm.

D. Độ cao tường chuồng của gia cầm là 80cm; gia súc là 90cm.

**Câu 18.** Chuồng của vật nuôi nào yêu cầu nền chuồng có độ dốc về phía rảnh thoát nước (hoặc hố phân), mặt nền phẳng nhưng không trơn trợt, không đọng nước?

A. Bò, gà. B. Bò, lợn. C. Lợn, gà. D. Không có vật nuôi nào.

**Câu 9.** Nhược điểm của chuồng hở là gì?

A. Khó kiểm soát khí hậu, chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên.

B. Yêu cầu hệ thống điện, nước hiện đại.

C. Chi phí đầu tư lớn.

D. Chỉ phù hợp với quy mô chăn nuôi công nghiệp.

**Câu 20.** Để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi cần chú ý thực hiện các biện pháp nào sau đây?

A. Vệ sinh chuồng nuôi; hằng ngày cần quét dọn nền chuồng; tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi.

B. Vệ sinh chuồng nuôi; khơi thông rảnh phân và nước thải; tiêu độc, khử trùng chuống nuôi.

C. Vệ sinh chuồng nuôi; tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi; thu gom và xử lí chất thải chăn nuôi.

D. Vệ sinh chuồng nuôi; hằng ngày cần quét dọn nền chuồng, lối đi; thường xuyên thu gom và xử lí chất thải chuồng nuôi.

**Câu 21.** Phát biểu nào dưới đây ***không đúng*** khi nói về vai trò của việc đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

A. Là giải pháp quan trọng để phòng bệnh cho vật nuôi, phòng bệnh lây truyền giữa động vật và con người.

B. Tạo môi trường sạch sẽ an toàn cho cả con người và vật nuôi.

C**.** Quản lí tốt đàn vật nuôi, giải phóng sức lao động cho người chăn nuôi và giảm thiểu tác động đến môi trường.

D. Làm giảm tác động xấu của chăn nuôi đến môi trường và là chìa khóa cho sự phát triển chăn nuôi bền vững.

**Câu 22.** Mật độ gà đẻ trứng nuôi trên nền trung bình từ

A. 2 đến 2,5 con/m2 chuồng. B. 3 đến 3,5 con/m2 chuồng.

C. 4 đến 4,5 con/m2 chuồng. D. 5 đến 5,5 con/m2 chuồng.

**Câu 23.** Hàm lượng calcium có trong thức ăn cho gà đẻ trứng chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm?

A. 1,5 đến 2,5%. B. 2,0 đến 3,0%. C. 2,5 đến 3,5%. D. 3% đến 3,5%.

**Câu 24.** Phát biểu nào đúng khi nuôi lợn thịt?

A. Lợn ở giai đoạn nhỏ cần thức ăn có hàm lượng protein cao hơn so với các giai đoạn sau.

B. Lợn càng lớn cần thức ăn có hàm lượng protein cao hơn so với các giai đoạn còn nhỏ.

C. Lượng thức ăn hàng ngày cho mỗi con lợn trung bình khoảng 5% khối lượng cơ thể, sau đó tăng lên.

D. Giai đoạn lợn càng lớn có số bữa ăn /ngày càng tăng, không nên cho lợn ăn tự do.

**Câu 25.** Nhiệt độ cần duy trì trong chuồng nuôi thích hợp cho gà đẻ trứng là từ

A. 150C đến 180C. B. 180C đến 250C.

C. 250C đến 300C. D. 300C đến 350C.

**Câu 26.** Chế độ chiếu sáng được khuyến cáo như thế nào là hợp lí đối với bò đang vắt sữa?

A. 16 giờ sáng + 8 giờ tối. B. 12 giờ sáng + 12 giờ tối.

C. 8 giờ sáng + 16 giờ tối. D. 10 giờ sáng + 14 giờ tối.

**Câu 27.** Phát biểu nào ***không đúng*** khi chăm sóc, nuôi dưỡng bò sữa?

A. Không được trồng cây bóng mát trong khu vực chuồng trại.

B. Khi cho bò ăn nên trộn lẫn thức ăn tinh với thức ăn thô thành thức ăn hỗn hợp.

C. Bò sữa thường được nuôi theo hai hình thức bán công nghiệp hoặc công nghiệp.

D. Để giảm stress cho bò sữa cần ổn định các yếu tố ngọai cảnh và thái độ ứng xử của người nuôi.

**Câu 28.** Lượng thức ăn/ngày cho lợn giai đoạn từ 10kg đến 30kg được tính theo công thức nào?

A. 3% x khối lượng lợn. B. 4% x khối lượng lợn.

C. 5% x khối lượng lợn. D. 6% x khối lượng lợn

**3.2. Tự luận (3 điểm)**

**Câu 1.** (2 điểm) Đề xuất một số giải pháp làm giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nông hộ (gà, lợn,trâu, bò,…) ở gia đình và địa phương em?

**Câu 2.** (1 điểm) Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em?

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1.(2 điểm)** Đề xuất một số giải pháp làm giảm ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi nông hộ (gà, lợn, trâu, bò,…) ở gia đình và địa phương em:

- Vệ sinh chuồng nuôi (0,25đ): Hằng ngày quét dọn sạch sẽ nền chuồng, lối đi,… (0,25đ)

- Tiêu độc, khử trùngchuồng nuôi (0,25đ): Định kì phun thuốc tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi,… (0,25đ)

- Thu gom và xử lí chất thải chăn nuôi (0,25đ): Thường xuyên thu gom chất thải kịp thời để đưa đi xử lí. (0,25đ)

- Quy hoạch khu chăn nuôi, thiết kế chuồng trại tốt và áp dụng các quy trình chăn nuôi tiên tiến. (0,5đ)

**Câu 2.(1 điểm)** Đề xuất biện pháp để nâng cao hiệu quả phòng, trị bệnh cho vật nuôi trong hoạt động chăn nuôi ở gia đình, địa phương em:

- Chuồng trại, khu vực chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc. (0,25đ)

- Vệ sinh dụng cụ dùng trong chăn nuôi.(0,25đ)

- Con giống phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống, không mang mầm bệnh, đã dược kiểm dịch và tiêm phòng đầy đủ. (0,25đ)

- Thức ăn, nước uống phải sạch đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y. (0,25đ)